TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CAO LÃNH** **TỈNH ĐỒNG THÁP**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 161/2022/DS-ST
Ngày: 30/9/2022
V/v "Tranh chấp về hợp đồng tín dụng"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CAO LÃNH, TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa: Ông **Huỳnh Trung Dũng**

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông **Trần Văn Bé Hai**

2. Bà **Võ Thị Điệp**

- *Thư ký phiên tòa:* Bà **Nguyễn Thị Thanh Hòa** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

Trong ngày 30/9/2022, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Cao Lãnh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 346/2022/TLST-DS, ngày 26 tháng 7 năm 2022 về việc "Tranh chấp về hợp đồng tín dụng (vay tài sản)" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 307/QĐXXST-DS ngày 31/8/2022, Quyết định hoãn phiên tòa số: 323/2022/QĐST-DS ngày 15/9/2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP S;

Địa chỉ: 2 N, Phường V, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện theo Pháp luật: Bà Nguyễn Đức Thạch D, chức vụ : Tổng giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Lưu Văn H, chức vụ: Giám đốc Ngân hàng TMCP S chi nhánh Đồng Tháp. Địa chỉ liên hệ: 56, N, phường B, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp. Theo quyết định ủy quyền số 3161/2021/GUQ-PL ngày 27/12/2021 của Tổng giám đốc Ngân hàng S.

Người đại diện theo ủy quyền lại: Ông Bùi Minh T, sinh năm 1983, chức vụ: Chuyên viên quản lý nợ - Phòng Kiểm soát Rủi ro – Chi nhánh Đồng Tháp; Địa chỉ liên hệ: 56, N, phường B, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp. Theo Giấy ủy quyền Số 180/GUQ-CNĐT ngày 18/5/2022 của Ngân hàng TMCP S chi nhánh Đồng Tháp.

- Bị đơn: Anh Trần Công T1, sinh năm 1994;

Địa chỉ: Tổ D, ấp B, xã B, huyện C, tỉnh Đồng Tháp.

(Nguyên đơn có mặt, bị đơn vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Nguyên đơn Ngân hàng TMCP S trình bày: Anh Trần Công T1 có vay của Ngân hàng TMCP S 02 khoản vay như sau:

1. Hợp đồng vay tín chấp:

Ngân hàng TMCP S chi nhánh Đồng Tháp (S1) có tài trợ cho ông Trần Công T1 vay vốn theo giấy đề nghị vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng kiêm giấy nhận nợ LD1902500528 ngày 25/01/2019. Theo đó, ông T1 đã nhận nợ vay với số tiền 70.000.000 đồng.

Dư nợ hiện tại: 42.609.251 đồng (Tính đến ngày 10/5/2022);

Lãi trong hạn: 19.770.692 đồng;

Lãi quá hạn, lãi phạt: 10.510.637 đồng.

Mục đích vay vốn: Tiêu dùng; biện pháp bảo đảm tiền vay: Không tài sản đảm bảo.

2. Vay tín chấp thẻ tín dụng:

Ngày 19/5/2017, ông T1 có ký Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng số 22 tại Ngân hàng TMCP S chi nhánh Đồng Tháp, chi tiết như sau:

- Hạn mức thẻ: 20.000.000 đồng;

- Dư nợ hiện tại: 21.177.533 đồng (tạm tính đến ngày 11/5/2022);

- Lãi quá hạn: 26.555.543 đồng;

- Lãi suất vay 2.5%/tháng.

Ngày 25/11/2019, do ông T1 vi phạm nghĩa vụ trả nợ, Ngân hàng đã chuyển toàn bộ số nợ vay còn thiếu sang nợ quá hạn. Mặc dù S1 thường xuyên đôn đốc, nhiều lần làm việc trực tiếp để yêu cầu ông T1 có trách nhiệm thanh toán ngay khoản nợ quá hạn, đồng thời S1 cũng tạo điều kiện về mặt thời gian để ông T1 trả nợ. Tuy nhiên, ông T1 chưa thanh toán khoản nợ vay quá hạn, vi phạm các điều khoản đã qui định tại hợp đồng đã ký.

Tính đến ngày 10/5/2022, ông T1 có trách nhiệm phải thanh toán cho Ngân hàng TMCP S – Chi nhánh Đồng Tháp số tiền là 120.623.656 đồng, trong đó:

- Nợ gốc: 63.786.784 đồng,

- Lãi trong hạn: 19.770.692 đồng,

- Lãi quá hạn và lãi phạt: 37.066.180 đồng.

Nay Ngân hàng TMCP S (S1) yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh giải quyết: Buộc ông Trần Công T1 có trách nhiệm trả cho S1 với tổng số tiền tính đến ngày 10/5/2022: Nợ gốc: 63.786.784 đồng, L trong hạn: 19.770.692 đồng, L quá hạn và lãi phạt: 37.066.180 đồng và lãi quá hạn phát sinh kể từ ngày 11/5/2022 cho đến khi trả hết nợ vay theo lãi suất quy định tại giấy đề nghị vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng kiêm giấy nhận nợ LD 1902500528 ngày

25/01/2019, các phụ lục hợp đồng tín dụng, Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng số 22 ký ngày 19/5/2017.

Tại phiên tòa sơ thẩm, Ngân hàng TMCP S (S1) yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh giải quyết: Buộc anh Trần Công T1 có trách nhiệm trả cho S1 với tổng số tiền tính đến ngày 30/9/2022 là: 129.282.760 đồng, bao gồm vốn gốc, lãi trong hạn, tiền phạt chậm trả lãi, lãi quá hạn và tiếp tục tính lãi đến khi nào trả xong nợ.

* Đối với bị đơn là anh Trần Công T1 đã được tống đạt thông báo thụ lý vụ án, thông báo hòa giải và triệu tập xét xử hợp lệ nhưng không có văn bản ý kiến, không tham gia hòa giải và không có mặt tại phiên tòa sơ thẩm.

**** Các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án:***

+ Giấy ủy quyền số 180/GUQ-CNĐT ngày 18/5/2022 (Bản chính);

+ Quyết định số 3161/2021/QĐ-PL ngày 27/12/2021; Quyết định số 2205/2020/QĐ-NS ngày 04/5/2020; Quyết định số 6363/2017/QĐ-NS ngày 25/7/2017 của Ngân hàng TMCP S (Photo chứng thực);

+ Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần (chứng thực);

+ Bảng tính tiền lãi vay khách hàng Trần Công T1, tóm tắt sao kê (Bản chính);

+ Hồ sơ vay vốn (().

- Bị đơn không cung cấp tài liệu, chứng cứ nào.

* Ngoài ra, các đương sự trong vụ án không tranh chấp thêm vấn đề nào khác, không yêu cầu triệu tập thêm người làm chứng, không cung cấp thêm tình tiết chứng cứ nào mới ngoài các chứng cứ đã cung cấp cho Tòa án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật, xét thấy: Căn cứ vào yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc yêu cầu anh Trần Công T1 có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng TMCP S (S1) số tiền tiền 129.282.760 đồng (trong đó: Vốn gốc: 63.786.784 đồng; lãi trong hạn: 22.817.254 đồng; lãi quá hạn và lãi phạt: 42.678.722 đồng) và tiền lãi phát sinh theo thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng cho đến ngày thanh toán dứt nợ, nên Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật tranh chấp giữa các đương sự là "Tranh chấp về hợp đồng tín dụng (vay tài sản)" theo quy định tại Điều 463 của Bộ luật dân sự.

[2] Về thẩm quyền, xét thấy: Tranh chấp về hợp đồng tín dụng (vay tài sản) giữa các đương sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự; bị đơn có nơi cư trú tại xã B, huyện C, tỉnh Đồng Tháp vụ án nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Đồng Tháp, theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về thời hiệu khởi kiện, xét thấy: Hợp đồng tín dụng (vay tài sản) giữa Ngân hàng TMCP S (S1) với anh T1 được xác lập vào ngày 19/5/2017 và 25/01/2019 đến nay nguyên đơn khởi kiện là còn thời hiệu khởi kiện theo quy định tại Điều 429 Bộ luật dân sự.

[4] Về tố tụng: Đối với bị đơn là anh Trần Công T1 đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa nên Hội đồng xét xử vẫn tiến hành phiên tòa theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự. Đồng thời, tại phiên tòa đại diện Ngân hàng xác định trong vụ này ngoài số tiền trên thì Ngân hàng không tranh chấp số tiền nào khác và trong vụ án này chỉ liên quan đến đương sự có tên trên, không liên quan đến đương sự nào khác.

[5] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, xét thấy: Tại phiên tòa, đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng TMCP S (S1) yêu cầu anh T1 trả cho Ngân hàng TMCP S (S1) số tiền 129.282.760 đồng (trong đó: Vốn gốc theo hợp đồng vay tín chấp: 42.609.251 đồng; lãi trong hạn, lãi quá hạn, lãi phạt: 35.003.500 đồng và tiền vốn gốc theo vay tín chấp thẻ tín dụng là 21.177.53 đồng, lãi quá hạn là 30.492.476 đồng) và tiền lãi phát sinh theo thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng cho đến ngày thanh toán dứt nợ là có căn cứ, bởi lẽ:

Vào ngày 19/5/2017, anh T1 có ký hợp đồng tín chấp thẻ tín dụng (vay tài sản) với Ngân hàng TMCP S (S1) với số tiền vốn vay 20.000.000 đồng; mục đích vay: tiêu dùng; lãi suất 2,5%/tháng (Rút tiền mặt), 2,15%/tháng (thanh toán qua POS); Ngày chốt thông báo giao dịch: Ngày 30 hàng tháng.

Đến ngày 25/01/2019, anh T1 tiếp tục ký hợp đồng tín dụng (vay tài sản) với Ngân hàng TMCP S (S1) với số tiền vốn vay 70.000.000 đồng; mục đích vay: Tiêu dùng; thời hạn vay: 36 tháng, lãi suất 20%/năm, lãi suất cố định 3 tháng đầu tiên, bắt đầu từ tháng thứ 4 lãi suất được S1 điều chỉnh định kỳ 3 tháng/lần bằng lãi suất huy động 13 tháng trả lãi sau của S1 cộng biên độ 12,2%/năm; Kỳ trả lãi định kỳ vào ngày 24 hàng tháng, P trức trả nợ: Trả góp hàng tháng, vốn chia đều, vốn gốc trả 36 kỳ, mỗi kỳ/01 tháng trả gốc 1.944.000 đồng, kỳ cuối trả gốc 1.960.000 đồng, lãi tính theo dư nợ giảm dần.

Trong quá trình Tòa án thụ lý vụ án và thu thập chứng cứ, Tòa án đã tống đạt các văn bản tố tụng, thể hiện rõ nội dung vụ việc và yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cũng như tài liệu, chứng cứ mà nguyên đơn nộp kèm theo đơn khởi kiện cho anh T1. Tuy nhiên, anh T1 vẫn không có văn bản ý kiến gửi cho Tòa án cũng như không có ý kiến phản bác, yêu cầu phản tố hay yêu cầu gì khác liên quan đến yêu cầu khởi kiện của phía nguyên đơn.

Tại khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015 quy định: "Một bên đương sự thừa nhận hoặc không phản đối những tình tiết, sự kiện, tài liệu, văn bản, kết luận của cơ quan chuyên môn mà bên đương sự kia đưa ra thì bên đương sự đó không phải chứng minh". Do đó, Hội đồng xét xử xác định hợp đồng vay tài sản giữa hai bên đương sự là có thật. Nên việc nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải trả số tiền vay và lãi suất là 129.282.760 đồng (trong đó: Vốn gốc: 63.786.784 đồng; lãi trong hạn: 22.817.254 đồng; lãi quá hạn + lãi phạt: 42.678.722 đồng) và

tiền lãi phát sinh theo thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng cho đến ngày thanh toán dứt nợ là có là có căn cứ chấp nhận.

[6] Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP S (S1).

[7] Tại phiên tòa, đại diện của Ngân hàng xác định ngoài lời trình bày và các chứng cứ đã nộp cho Tòa án ra, thì Ngân hàng không còn chứng cứ nào khác và cũng không yêu cầu Tòa án thu thập thêm chứng cứ nào khác.

[8] Về án phí: Do chấp nhận yêu cầu của Ngân hàng TMCP S (S1) về việc yêu cầu anh Trần Công T1 trả cho Ngân hàng TMCP S (S1) số tiền 129.282.760 đồng nên anh Trần Công T1 phải chịu 6.464.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

+ Ngân hàng TMCP S (S1) không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, Ngân hàng TMCP S (S1) được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp 3.015.000 đồng theo biên lai số 0009509 ngày 25/7/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cao Lãnh.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các Điều 429, 463, 466 của Bộ luật dân sự; khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 92, 147, điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP S (S1).

- Buộc anh Trần Công T1 có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng TMCP S (S1) số tiền vốn gốc theo hợp đồng vay tín chấp: 42.609.251 đồng; lãi trong hạn, lãi quá hạn, lãi phạt: 35.003.500 đồng và tiền vốn gốc theo vay tín chấp thẻ tín dụng là 21.177.533 đồng, lãi quá hạn là 30.492.476 đồng. Tổng cộng là 129.282.760 đồng (Một trăm hai mươi chín triệu, hai trăm tám mươi hai ngàn, bảy trăm sáu chục đồng).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận (ghi trong hợp đồng tín chấp thẻ tín dụng ngày 19/5/2017 và hợp đồng vay tín chấp ngày 25/01/2019), nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật.

- Về án phí: Anh Trần Công T1 phải chịu 6.464.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

+ Ngân hàng TMCP S (S1) không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, Ngân hàng TMCP S (S1) được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp 3.015.000 đồng

theo biên lai số 0009509 ngày 25/7/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cao Lãnh.

- Các đương sự có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án; đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp Bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền thỏa thuận thi hành án, yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;

- VKS HCL;
- Toà án Tỉnh;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán-Chủ toạ phiên tòa

Huỳnh Trung Dũng